

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 20 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 76

Trong bảy đoạn, dưới đây là thứ hai, Bồ-tát Quảng Tuệ thưa hỏi về tâm, ý, thức, trong đó trước hỏi, sau đáp. Ban đầu là ý hỏi: “Đức Phật nói về bí mật của tâm, ý, thức, Bồ-tát khéo hiểu có thể khéo léo trong tâm, ý, thức, Bồ-tát một phen hỏi?”

Đức Như lai ngang đầu thiết lập? Ngài vì Bồ-tát khéo léo đối với bí mật của tâm, ý, thức; đây là câu hỏi thứ hai.

Trong hai câu hỏi này, trước y cứ Bồ-tát Địa tiền, sau, y cứ Bồ-tát Địa thượng. Về nghĩa của tâm, ý, thức tự có chung riêng.

Gọi là riêng tâm, ý, thức: Lại-da là tâm, vì năng tập khởi các pháp sắc tâm sinh tử của ba cõi. Mạt-na gọi là ý, vì làm căn đồng thời cho sáu thức, sinh ra sáu thức, vì phân biệt mạnh mẽ đối với sáu cảnh.

Hai, gọi chung là tâm, ý, thức nghĩa là trong tám thức, mỗi thức đều có tập khởi, gọi là tâm, năng sinh, gọi là ý, phân biệt rõ gọi là thức.

Trong đáp; 1. Văn xuôi; 2. Trùng tụng. Văn xuôi lại có hai: Trước, là giải thích, sau, là kết.

Trong phần trước, trước khen câu hỏi của Bồ-tát kia, răn bảo, lắng nghe, cho nói.

2. Chính là giải thích:

trong giải thích có bốn:

1. Y cứ Lại-da để giải thích tâm, ý, thức.

2. Giải thích các danh.

3. Nói về thức A-Đà-Na vì dựa vào đó kiến lập sáu thức.

4. Nói Bồ-tát có khéo léo, không khéo đối với tâm, ý, thức.

Trong phần đầu nói về sanh tử của sáu nẻo, cho đến trước hết, tất cả hạt giống thức thành thực v.v..., nghĩa là hạt giống thức thành thực dẫn dắt sinh hữu khởi trụ nơi Yế-la-lam, lần lượt hòa hợp với phần vị

thai tăng trưởng.

“Dựa vào hai chấp thọ trở xuống” là nói về Lại-da kia kia có hai chấp trì. Y cứ ở giới để nói về trì, rất dễ hiểu. Lại-da dù duyên khí thế gian bên ngoài, mà không thuộc về chúng làm nhiếp thọ nội tại, nên nay không nói.

Kế là nói về các danh v.v... Luận sư Cảnh nói: “Thức này cũng gọi là A- Đà-Na, Hán dịch là chấp trì (gìn giữ). Gìn giữ sắc căn và các hạt giống, cũng gọi là Lại-da. Hán dịch là Ái tàng, chấp thọ nơi thân. Lại cát giấu ở thân, đồng yên ổn hiểm nguy, nên cũng gọi là tâm vì sao? Do thức này chứa nhóm, thấm nhuần, tăng trưởng sắc, tinh, hương, vị, xúc v.v.... Đây có hai nghĩa:

1. Khả năng nhóm họp sắc v.v..., hay gom góp thấm nhuần nuôi lớn. Pháp sư Thái nói: “Nhóm họp là nghĩa tâm. Tâm có thể chứa nhóm, thấm nhuần, nuôi lớn sáu trần như sắc v.v..., sáu căn, sáu thức là tướng chung, thuộc về pháp trần, chỉ nêu sáu trần.

2. Pháp sư Bị nói: “Từ nơi sáu đường cho đến nghĩa yên ổn, nguy khốn, nên có chung ba tên để giải thích về nghĩa Thức, “cũng là tâm trở xuống”, mới bắt đầu giải thích về nghĩa tâm, lược qua, không giải thích về ý.”

Thứ ba, nói về kiến lập sáu thức. Đầu tiên là pháp, kế là dụ, sau hợp.

Trong pháp. Pháp sư Thái nói: “Trong văn xuôi này, dù nêu chung ba danh, nhưng Tông lại nói về A-Đà-Na, nên chỉ nêu Đà-Na là y chỉ chuyển thức. Trong bài tụng sau, chỉ tụng tên Đà-Na, ý là ở đây. Luận sư Bị nói: “Về nghĩa sắc tâm đã nói xong. Vì muốn nói về nghĩa lý, nên dùng nghĩa “sở y” để làm rõ chung về nghĩa khởi thức. Trong đây “có thức, cho đến có phân biệt ý thức chuyển””, Pháp sư Thái nói: “Vì có nhãn căn, đồng phần với nhãn căn, nên nói nhãn và sắc v.v... ”.

Có năng thọ Đà-Na thức, kế là có thức. Trong dụ, đại khái dẫn hai thí dụ, có gì khác nhau? Có vị Cổ Đức nói: “Thí dụ gương soi, dụ cho môn chân như tâm. Thí dụ nước, sóng, dụ cho môn tâm sinh diệt. Nay Pháp sư Huyền Trang nói: “Các Luận sư phương Tây giải thích về hai thí dụ đã nói là đồng, chỉ vì muốn cho hiểu rõ nghĩa gốc, nên cần hai thí dụ. Về hợp dụ như văn.

Thứ tư, là nói về Bồ-tát có khéo léo, không khéo léo đối với tâm, ý, thức.

Do Pháp Trụ trí: Trụ trí ở trong nhân, biết quả hạ, trung, thượng của ba cõi. Nay theo Đại thừa hoặc dựa vào kinh giáo, biết rõ nghĩa của

tâm, ý, thức, nên nói là do “Pháp trụ trí”. Hoặc dựa vào lý nhân quả của thế tục mà biết được tâm, ý, thức, gọi là Trí pháp trụ. Dù có hai giải thích, đều dựa vào trí như lượng mà biết tâm, ý, thức, vị ở Địa tiền, nhưng các đức Như lai không cho sự thi thiết ở đây là khéo léo.

Dưới đây, sẽ nói về Bồ-tát Địa thượng, lập làm khéo léo: Nếu các Bồ-tát đối với nội tại đều phân biệt như thật, không lấy A-Đà-Na, nghĩa là không thấy tác dụng của nó, không thấy thức A-Đà-Na, là không thấy thể của nó. Câu còn lại so sánh như thế, tức khi chứng chân như, không thấy các pháp, là gọi là Bồ-tát thắng nghĩa xảo. Đức Như lai kiến lập, kết như văn.

Trong tụng Ngã kiến Câu sinh không dựa vào giáo khởi, nói và không nói đều có thể hiện hành. Nay, vì muốn phân biệt với Câu sinh, nên nói Phân biệt, câu còn lại, như thường.

Luận chủ Vô Trước dẫn tụng này, để giải thích luận Nhiếp Đại Thừa. Thế Thân dẫn văn xuôi, để giải thích nghĩa của tụng này (đủ, rộng như luận ấy).

Dưới đây là đoạn lớn thứ ba, nói Bồ-tát Đức Bản thừa hỏi về nghĩa ba tánh, nên nói “Khéo léo về các pháp tướng. Trước là hai câu hỏi, y cứ theo trước.

Trong phần đáp, trước là văn xuôi, sau là tụng tụng. Văn xuôi có hai: Trước, là giải thích, sau là kết.

Trong phần trước, trước khen hỏi, hứa nói, sau chính là giải thích. Trong phần giải thích có sáu lần “lại nữa”. Đầu tiên, là nói tương các pháp có ba:

1. Biến kế, 2. Y tha, 3. Viên thành.

Nói “Biến kế sở chấp v.v... cho đến “Vì khiến thuận theo khởi ngôn thuyết, là nói về ý của thuyết kia. Chúng sinh ngu si, theo danh chấp thật, tức là biến kế sở chấp. Y tha nghĩa là pháp sinh nhiễm. Viên thành tức là chân như của các pháp. Các Bồ-tát đều lấy tinh tấn làm nhân, mới có thể thông suốt, dần dần chứng thấy trong các địa, đến địa vị Phật mới viên mãn. Một phen giải thích xong.

“Lần lại nữa” thứ hai, y cứ dụ màng che mờ mắt để nói về kiến chấp. Luận sư Cảnh nói: “Như tai hại lỗi lầm của màng mắt che mờ, sở chấp cũng thế.”

Hỏi: “Màng mắt che mờ là pháp nhân duyên, sao lại đem dụ cho Biến kế sở chấp?”

Giải thích: “Không lấy sự che mờ của màng mắt, mà ý nói do màng mắt che mờ, nên trong thấy giả dối vừng lông, thí dụ cho biến kế

sở chấp, nên nói rằng tai hại lỗi lầm của màng mắt che mờ.

Như người bị màng mắt che mờ, thấy vừng lông v.v..., y tha cũng thế, nghĩa là vừng lông v.v... chính là Biến kế sở chấp. Không muốn lấy vừng lông để thí dụ cho y tha, mà muốn nói nhân màng mắt che mờ này, chấp là vừng lông, nên huân tập thức thành hạt giống, sinh y tha ở thời gian sau. Như người mắt sạch, nhìn thấy bản tánh của pháp, thí dụ như trí căn bản chứng Viên thành thật.”

Pháp sư Thái nói: “Tai hại lỗi lầm của màng mắt che mờ, nghĩa là chấp là tóc, lông v.v... nhất định là thật, gọi là tai hại chung, dụ cho biến kế sở chấp nhất định là pháp có tánh.

Nếu che mờ nhãn thức, biến thành tóc, lông v.v... thì từ nhân duyên sinh không có tánh cố định, du cho tánh Y tha. Dùng thí dụ này để chứng minh rằng, người nhìn thấy mặt trăng thứ hai, cũng xuất phát từ nhãn thức loạn, hiện ra mặt trăng tương tự, là pháp nhân duyên, có thể sinh ra nhãn thức. Nhưng tư duy trần, luận y cứ ở chấp có tánh cố định, vì mặt trăng thứ hai không có tự thể, không thể sinh ra thức, nên chẳng phải “duyên, duyên”.

Lại giải thích: “Luận kia y cứ tông Tiểu thừa, để phá tà chấp đó. Tông Tiểu thừa cho là mặt trăng thứ hai không có tự thể, nên nhãn thức không được “duyên”. Luận sư Bị nói: “Tai hại lỗi lầm của màng mắt che mờ, dụ cho hai chấp Nhân, Pháp, vừng tóc, lông v.v..., trần của biến kế, đồng lấy mặt trăng v.v... thứ hai, tức là tánh y tha. Cho nên luận Đối Pháp nói: “Sắc của Biến kế sở chấp, nghĩa là sắc của ảnh tượng.”

Hỏi: “Nếu thừa nhận sắc y tha, thì vì sao cũng làm biến kế ư?”

Đáp: “Tất nhiên do biến kế khởi, nên thuận theo đối tượng duyên (sở duyên), gọi là biến kế. Y cứ vào y tha thật, như tương tự dựa vào gương soi thấy mặt mình. Mặt tự có bốn:

1. Tướng phần của bản thức.
2. Nhãn thức biến ra.
3. Đồng “duyên” mặt do ý thức khởi.
4. “Duyên” mặt do ý thức độc đầu đã biến hiện.

Trong bốn mặt này, mặt thứ nhất là bản chất. Mặt thứ hai, thứ ba vì giống với bản chất, nên gọi là y tha khởi. Một mặt sau, lia chỗ bản chất, hiện ở trong gương soi, vì chỉ do biến kế đã khởi, nên nói là biến kế. Y cứ vào sự thật mà nói, trong đó có hai;

1. Tướng phần của Y tha.
2. Biến kế sở chấp.

Có luận sư giải thích “Nhãn thức một phen nhìn thấy có hai tướng

phần, nghĩa là mặt trăng của bản chất và mặt răng thứ hai.”

Giải thích này không đúng! Vì không nên gọi là hiện lượng.”

Lại, Trí Luận nói: “Vì năm thức không thể lừa dối.”

Nay, giải thích “Dựa vào mặt trăng gốc (mặt trăng của bản chất) mà khởi nhân thức, chỉ là trong tâm ý thức cho là hai mặt trăng.

Trong lần “lại nữa” thứ ba, trước nêu thí dụ “Phả-chi-ca” kể là pháp so sánh. Trong phần trước nói Phả-chi-ca, Pháp sư Tam Tạng nói “Xứ này không có từ ngữ để dịch. Giống như thủy tinh, ngọc trắng không có sắc cố định, kết hợp với bốn sắc, tức giống với ảnh tượng của bốn sắc. Hữu tình mê hoặc rối loạn, với tà tâm chấp thật.

Nói Đế Thanh, Đại thanh, Mạt Ni, tượng báu. Tiếng Phạm là Nhân-Đà-La, Hán dịch là Đế-thích, đây tức là ngọc Ma-ni xanh của Đế-thích. Phương Tây có ngọc xanh của Đế-thích, nên lấy nó đặt tên, đây là sắc xanh thừa trong màu xanh. Tiếng Phạm là Ma-ha Ni-la, Hán dịch là thanh, tức là màu xanh biếc. Mạt-Ni, là tiếng phạm, là tên chung của ngọc.

Mạt-la-yết-đa. Luận sư Cảnh nói: “Xứ này không có từ ngữ để dịch.”

Pháp sư Thái nói: “Là báu sắc sát của xứ này, sắc nó là lục.”

Luận sư Cảnh nói: “Sắc này gọi là xà cừ, so sánh trong pháp nói như trên Phả-chi-ca thanh tịnh kia, tất cả lục nhiễm sắc tương ứng, cho đến tập so sánh cũng thế, nghĩa là ý nói “Năng chấp” chấp “sở chấp”, là tập khí cũ.

Nói “như tà chấp có Đế thanh, Đại thanh v.v... trên Phả-chi-ca thanh tịnh kia, dựa vào khởi đối tượng chấp trên tướng, chấp tướng cũng thế”, nghĩa là bản thân của báu Phả-chi-ca hợp với tánh y tha.

Nói “Như thanh tịnh kia, cho đến tướng định của Viên Thành cũng thế” rất dễ hiểu.

Hỏi: Báu phả-chi-ca dụ cho tánh y tha, nghĩa này rất dễ hiểu. Ngọc báu Phả-chi-ca hợp với bốn sắc, tức có ảnh tượng của bốn sắc mà khởi thí dụ cho y tha. Y tha và chấp thật trên Viên Thành Thật, tức có Biến kế sở chấp. Cảnh của Biến kế sở chấp không có tánh, để làm rõ Viên Thành thật, điều này cũng rất dễ hiểu. Trong luận vì sao không kết hợp pháp nhân duyên của ảnh tượng bốn sắc?”

Giải thích: Về lý, thì báu Phả-chi-ca dụ cho y tha, bản chất tướng phần của A-lại-da, ảnh tượng của bốn sắc, nhân Phả-chi-ca hiện ra, dụ cho tướng phần của sáu thức, tức là ảnh tượng của tướng phần Lại-da, cũng là Y tha. Nếu phân biệt chín chắn thì pháp, dụ không bằng nhau,

nên lược qua không nói.”

“Lần lại nữa” thứ tư, nói “do chấp danh tướng cố định, chấp mắc hệ thuộc nhau làm duyên cho tướng bị chấp rất dễ hiểu. Do chấp biến kế huân tập hạt giống, có thể sinh y tha khởi sau, nên nói “sở chấp” làm “duyên” cho Y tha, rất dễ hiểu. Tướng biến kế sở chấp vô vi “duyên” Viên thành rất dễ hiểu.

Theo luận Hiển Dương, tự có năm tướng:

1. Tướng bị chấp.
2. Tướng năng chấp.
3. Tướng chấp mắc hệ thuộc nhau của danh tướng.
4. Tướng chấp mắc.
5. Tướng không chấp mắc.

Hai tướng đầu, có cả ba tánh. Tướng thứ ba, tức chấp biến kế. Tướng thứ tư là tướng y tha khởi. Tướng thứ năm, là Viên thành thật.

Nay, Luận chủ giải thích “Do tướng sở chấp của tướng thứ ba, rất dễ hiểu rõ v.v....”

“Lần lại nữa” thứ năm, nói biết thắng lợi của ba tánh. Biết rõ Viên thành, tức biết tất cả thanh tịnh, nghĩa là vì y tha của phần tịnh thuộc Viên thành.

“Lần lại nữa” thứ sáu, nói về thắng lợi của đoạn, chứng. Nếu rất dễ hiểu rõ không có tướng ở trên y tha thì sẽ có thể dứt trừ nhiễm và chứng tịnh.

“Như thế, Đức Bản trở xuống”, là nhắc lại ba lần “lại nữa” sau, kết đáp hai câu hỏi ở trước, lược qua không nhắc lại nêu ba lần “lại nữa” trước.

Hai câu sau cuối trong hai bài tụng khó giải thích.

Pháp sư Tam Tạng giải thích: “Biếng nhác không tu gốc định, trụ pháp là định, động trong pháp là tán loạn.

Không có mất hoại, không thương xót, nghĩa là do biếng nhác, nên pháp trụ vô thượng, gọi là “không”, pháp động hữu thượng, gọi là “có”. Do kia không có định chỉ có tán loạn, nên mất đi chánh pháp ở trong thân người kia, gọi là mất hoại, nên đáng thương xót.

Pháp sư Thái nói: “Trụ pháp là định, động pháp là loạn. Sự mất hoại có hai:

1. Vì không trụ nơi pháp nên mất hoại.

2. Vì pháp có động nên mất hoại. Khi mất hoại đều do biếng nhác, cho nên như thế! Vì lý do này, nên đáng thương xót. Luận sư Cảnh nói: “Tánh chân thật bất sinh, bất diệt, nên gọi là pháp trụ. Biến kế y tha có

sinh, diệt, nên gọi là pháp động. Pháp trụ biếng nhác trong pháp động, nghĩa là mất, không hoại có, nên nói là không có mất hoại. “không” tức là lý “không” của tánh chân thật. “Có” chính là “pháp có” giả dối của y tha, biến kế sở chấp. Người này đã mất hoại lý của ba tánh, nên đáng thương xót!

Lại giải thích: “Đây là lời nói lồi kéo dài, nghĩa là pháp trụ của biếng nhác không có mất, hoại trong pháp pháp động, thật đáng thương xót.”

Đoạn lớn thứ tư, Bồ-tát thắng nghĩa sinh thưa hỏi nghĩa ba vô tánh, trong văn có bốn:

1. Hỏi, đáp, nói về nghĩa của ba vô tánh.
2. Nhận hiểu, ngợi khen.
3. Nói về giáo, công đức trì kinh hơn kém.
4. Khi thỉnh đặt tên kinh, chúng được lợi ích.

Trong phần trước có hai: a. Bồ-tát nêu lời hỏi. b. Phật đáp.

Trong phần trước Ý hỏi: “Trong kinh, chỗ nào đức Thế tôn cũng đều nói các thứ các pháp uẩn, giới, xứ v.v... sinh, diệt, nhiễm, tịnh, biết, đoạn, chứng, tu. Thời gian sau Ngài lại nói: “Tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sinh, vô diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn.” Hai thuyết trước, sau há không trái nhau?”

Dưới đây là sẽ đáp: Trước là đức Thế tôn khen câu hỏi là hay và răn dạy hãy lắng nghe, hứa nói. Sau đó là chính đáp.

Trong đáp, là trước văn xuôi, sau là trùng tụng. Thứ lớp văn xuôi có năm đoạn:

I. Giải thích các pháp đều không có tự tánh, không có sinh diệt v.v....

II. Giải thích nhân duyên kiến lập ba thứ vô tánh.

III. Giải thích quán căn cơ, nói ba vô tánh.

V. Nói bốn hạng hữu tình có hiểu rõ, không hiểu rõ về mật thuyết của Phật.

Trong phần đầu có hai:

A. Nói không có tự tánh.

B. Nói không có sinh diệt.

Phần trước nói: “Ta dựa vào ba thứ tánh của không có tự tánh, với mật ý nói rằng, tất cả các pháp đều không có tự tánh, nghĩa là bày tỏ chung ý nói. Nói là “tướng không có tự tánh” trở xuống, là nêu tên của ba Vô tánh.

Hỏi, đáp, giải thích. Trong đó trước là pháp thuyết, sau là thí dụ

so sánh.

Trong pháp thuyết, tánh của tướng vô tánh của Biến kế sở chấp. Y tha đủ cả hai. Rất dễ hiểu. Nghĩa là sinh vô tự tánh, thắng nghĩa vô tự tánh. Pháp sư Thái nói: “Vì tánh y tha không có tánh thắng nghĩa của chân như, nên gọi là thắng nghĩa không có tự tánh (Thắng nghĩa vô tự tánh).

Luận sư Bị có hai giải thích:

1. “Nếu dùng đạo lý Thắng nghĩa để giải thích y tha, thì chỉ là “duyên” giả cho nên “có”, chứ chẳng phải có tự tánh thật, cho nên nói rằng: “Thắng nghĩa vô tánh, chẳng phải cho rằng vì trong y tha không có thắng nghĩa Viên thành thật, nên gọi là Thắng nghĩa vô tự tánh.”

Dù có giải thích sau, nhưng không bằng giải thích trước. Viên thành chỉ do thắng nghĩa vô tự tánh. Vì sao tánh vô ngã của tất cả pháp, gọi là Thắng nghĩa v.v...?” Luận sư Cảnh nói: “Không do vô ngã tức là thể của viên thành thật. Thể của Viên thành thật chính là chân như. Nhưng vì môn vô ngã nhập, nên từ nhập môn nói rằng vô ngã gọi là Thắng nghĩa. Chân như là thể thắng nghĩa đế của các pháp, do môn vô tướng tánh làm sáng tỏ, nên nói thắng nghĩa gọi là vô tánh. Luận sư Bị nói: “Muốn nói về thể chân như, tánh của pháp vô ngã cũng gọi là thắng nghĩa. Do ở trước đã nói về ba thứ, mỗi thứ vô tánh được hiển bày, nên gọi là không có tánh của tự tánh (vô tự tánh tánh). Dụ so sánh rất dễ hiểu.

“Này người thiện nam” trở xuống, là kết đáp câu hỏi trước.

Kế là, nói về không có sinh diệt v.v..., đầu tiên y cứ Biến kế sở chấp để giải thích, thứ hai y cứ Viên thành thật để giải thích.

Trong phần trước, Cảnh, Pháp sư Thái đồng nói: “Vì biến kế kia đều không có tự thể, nên không có sinh. Nếu không có tánh, thì không có diệt. Do không có sinh diệt, tức xưa nay vắng lặng, nghĩa vắng lặng, tức tương tự Niết-bàn, gọi là Niết-bàn, chứ chẳng phải Niết-bàn của diệt đế.”

Luận sư Bị nói: Các vị cổ Đức xưa v.v... giải thích: “Vì muốn nói về Niết-bàn chân thật đối trị biến kế, nên nói rằng Niết-bàn bản tánh.”

Nay, giải thích: Tức là Niết-bàn của Biến kế sở chấp, chứ chẳng phải Niết-bàn chân thật.

Dưới đây là y cứ Viên thành để nói không có sinh diệt v.v...

Ở trước y cứ tánh của biến kế, là không, nên gọi là không có sinh diệt. Nay, y cứ thể Viên thành, vì là thường nên gọi là không có sinh

diệt. Nhân duyên y tha huyễn có sinh diệt. Cho nên không được y cứ để nói không có sinh diệt v.v.... Ở đây y cứ loại ba tánh để thực hành phân biệt này. Trước kia y cứ vào ba tánh để nói về vô tánh, nghĩa là về mặt đạo lý, chỉ là biến kế không có tướng, tức gồm thấu hết nghĩa vô tánh. Như thứ lớp văn dưới đây sẽ nói. Sau đó, lại y cứ ở chỗ đã mê chấp kia để nói, nên nói “về sau, lập sinh không có tự tánh của y tha.

Thắng nghĩa không có tự tánh, Viên thành thật là thắng nghĩa không có tánh tự tánh (Thắng nghĩa vô tự tánh tánh).

2. Nói về lập nhân duyên của ba vô tánh. Nói “chẳng phải do trong cõi hữu tình, cho đến ta lập ba vô tánh v.v...”, Luận sư Cảnh nói: “Về lý ba vô tánh đều là tướng của Biến kế sở chấp không có tự tánh, chỉ vì nói sự tính toán, so lường của Biến kế sở chấp. Y cứ ở y tha và Viên thành thật, nhằm nói về sinh vô tánh, thắng nghĩa vô tánh nấy y cứ chỗ sở chấp để nói về sanh vô tánh, thắng nghĩa vô tánh thì cũng gồm thu hết vô tánh. Nếu nói tướng của biến kế sở chấp là vô tự tánh thì cũng nhiếp hết vô tánh. Nếu y cứ tánh y tha, Viên thành thật, để nói là sinh vô tự tánh, thắng nghĩa vô tự tánh thì cũng bao gồm hết vô tự tánh (không có tự tánh). Một kết hợp với hai, tức có ba vô tánh, nên văn này nói: “Chẳng phải nhân quán riêng ba tánh, mà ta lập ba vô tánh. Nhưng do hữu tình đối với tánh y tha và Viên thành thật, thuận theo lời nói chấp mắc mà ta lập ba vô tánh. Pháp sư Thái nói: “nếu đối với y tha, quán không có bờ mé là đã tăng ích tánh, tức là tánh vô tướng của Biến kế, cũng là tánh vô sinh của y tha, cũng đối với tánh Viên thành thật, quán cũng không có Biến kế sở chấp tánh cũng thế, là tánh vô tướng của Biến kế sở chấp, cũng là tánh vô tướng của Viên thành thật.

Dựa vào văn này quán tánh y tha đối với tánh Viên thành thật, nên Biến kế sở chấp của ba vô tánh không có tự thể, nên nói là vô tánh. Y tha Viên thành không có tự thể của Biến kế sở chấp khác, nên nói là vô tánh.

Nói “Hoặc do ngôn thuyết tùy giác, tức là phân biệt rõ danh ngôn, chúng sinh, khởi chấp Biến kế. Hoặc do tùy miên của ngôn thuyết, tức là trẻ con và bò, dê v.v... không hiểu rõ danh ngôn chúng sinh. Dù không hiểu rõ danh ngôn, khởi phân biệt. Nhưng do sức tùy miên hạt giống của ngôn thuyết, nên tướng chung là tính toán so lường.

3. Giải thích: “Quán căn cơ, nói về ba tánh, trong đó trước y cứ bốn mươi tâm, nói về ba vô tánh. Kế là dựa vào bốn vị gốc lành để nói. Sau y cứ Địa thượng để nói.

Đầu tiên nói: “Các hữu tình v.v... cho đến “Do nhân duyên này, phần nhiều tu thắng giải, phần nhiều cũng chứa nhóm hai thứ tư lương. Luận sư Cảnh nói: “Đầu tiên vì chưa gieo trồng gốc lành v.v... đến “Chứa nhóm hợp tư lương”, nghĩa là nói các pháp đều từ duyên sinh, chứ chẳng phải tự nhiên khởi, gọi là sinh vô tánh. Người kia nghe nói, tùy từng phần, hiểu rõ các pháp vô thường, cho đến chứa nhóm tư lương.” Pháp sư Thái nói: “Thập tín trở xuống gọi là gieo trồng gốc lành. Bốn thứ như tịnh chướng v.v... là bốn mươi tâm.”

Luận sư Bị nói: “Địa vị thứ nhất, tức Thập tín trở xuống, nghe có giáo, vì đã gieo trồng gốc lành, nên địa vị thứ hai, tức Thập tín có khả năng tịnh chướng. Địa vị thứ ba, tức Thập giải, có khả năng thành thực. Địa vị thứ tư, 12 thập Hạnh, Tu thắng giải. Địa vị thứ năm, là Thập hồi hướng, cũng chứa nhóm nhiều tư lương.”

Kế là, y cứ địa vị bốn gốc lành, để nói về ba vô tánh. “Rằng người kia dù như thế, cho đến ở trong y tha, có thể không chấp mắc tánh sở chấp”, nghĩa là dù đối với địa vị này, đã chứa nhóm gốc lành, cho đến chứa nhóm hai thứ tư lương, tùy khả năng mà hiểu rõ về duyên sinh. Nhưng trong sinh vô tự tánh, chưa thể biết rõ như thật về tướng vô tự tánh và hai thứ thắng giải vô tự tánh. Đối với tất cả hạnh chưa thể nhằm chán cho đúng, là đạo Gia hạnh chưa chính lìa dục, là đạo Vô gián. Chưa chính giải thoát là được giải thoát. Chưa giải thoát khắp ba nhiệm tạp nhập này là đạo Thắng Tấn.

Đức Như lai lại nói pháp yếu người kia nghe. Người ấy nghe pháp xong, có thể tin hiểu chính đáng.

Nói “Lựa chọn tư duy”, ấy là bốn Tâm, Từ ở địa vị Noãn, Đảnh.

Thông đạt như thật, là địa vị bốn trí như thật, ở pháp nhẫn đệ nhất.

Dưới đây, y cứ Địa thượng, để nói ba vô tánh:

“Rằng, do ngôn thuyết vì không huân tập trí. Do không chấp mắc danh ngôn, nên không có danh ngôn huân tập trí. Do ngôn thuyết không thuận theo giác trí, nghĩa là không thuận theo danh, khởi giác trí phân biệt.

Do ngôn thuyết lìa trí tùy miên, nghĩa là do đoạn tùy miên ngôn thuyết, nên trí không chấp mắc, có thể diệt tướng y tha v.v....

4. Y cứ vào ý bí mật nói Nhất thừa, trước ý nói Nhất thừa, sau nói về căn tánh khác nhau, chẳng phải là không.

Phần trước, Cảnh, Luận sư Bị đồng nói: “Đây là nói về người của Ba thừa đồng nương đạo vô tánh, chứng đắc Niết-bàn. Người Nhị thừa

ngộ về chấp người, Biến kế sở chấp không có tánh, biết pháp hữu vi từ nhân duyên khởi, không có tự nhiên sinh, tánh của sinh vô tánh, cũng biết y tha không có tánh tự tánh thắng nghĩa kia, cũng có thể Nhị thừa, tức là do nhân không được sáng tỏ, môn vô tánh chân như rõ ràng, gọi là thấu suốt thắng nghĩa không có tánh tự tánh. Bồ-tát tức do dứt trừ cả hai chấp, biết Tướng vô tánh, cho đến do “hai không” đã làm sáng tỏ chân như và do môn vô tánh làm rõ thắng nghĩa không có tánh tự tánh, cho nên nói rằng: “Tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều chung một đạo thanh tịnh mầu nhiệm này, lại không có ngã thứ hai. Vì dựa vào lý này, nên mật ý nói chỉ có Nhất thừa.”

Dưới đây, là nói về sự khác nhau về căn tánh. Pháp sư Thái nói: “Chẳng phải trong tất cả cõi hữu tình, đều không có các thứ căn thượng, trung, hạ khác nhau của ba thừa.”

Luận sư Bị nói: “Chẳng phải đối với hữu tình không có năm thứ khác nhau. Nói “Nếu hoàn toàn hưởng về vắng lặng, cho đến cuối cùng không thể khiến sẽ ngộ đạo tràng, chứng được vô thượng Bồ-đề, thì lại đồng với kinh Giải Tiết bản dịch xưa. Chỉ thú của văn người xưa không thừa nhận tánh cố định.”

Luận sư Cát Tạng cũng giải thích văn này: “Nếu người Thanh văn lúc sắp vào vô dư, nhờ Đức Phật nói pháp, hồi hướng, phát tâm Đại thừa, là không có việc đó, cho nên nói rằng, sau cùng không thể được, không đồng với thuyết của Pháp sư Tam Tạng đã nói hôm nay. Bởi trong nghĩa này, có nhiều tranh luận dẫn chứng, nói về nghĩa và giải thích như thường.

Nói “Nếu hồi hướng Bồ-đề, thì chủng tánh Thanh văn Bồ-đặc-già-la ngã cũng có môn khác, nói là Bồ-tát v.v..., như Xá-Lợi-Phất v.v....

5. Nói về bốn hạng hữu tình mê có, ngộ có đối với kinh có thể rõ nghĩa, Mật giáo của Đức Phật, trong đó có ba:

a. Nêu chung.

b. Giải thích riêng ba giải thích đã kết.

Trong phần trước, nói “Như thế đối với ta cho đến “trong giáo pháp thiện”. Pháp sư Thái nói: “Nhắc lại giáo bốn đế, kể cả Bát-nhã, Thâm Mật v.v... ”

Luận sư Bị nói: “Nhắc lại giáo vô tướng như Bát-nhã v.v....”

“Này người thiện nam tử! Cho đến “Niết-bàn tự tánh. Cảnh Pháp sư nói: “Về đạo lý, đối với tất cả pháp, Y tha Viên thành là “có”, chỉ Biến kế sở chấp là “không”. Nhầm đã phá quan niệm chấp có kia của chúng Bồ-Tát, lần đầu tiên hưởng về Đại thừa, nên đã mật ý nói chung

rằng “Tất cả các pháp đều không có tự tánh, “không có sinh” “không có diệt” v.v..., gọi là kinh không liễu nghĩa.

Pháp sư Thái nói: “Hỏi: Có phải Mật giáo này nói ba vô tánh hay không? Nếu ngôn thuyết, thì ý giáo Bát-nhã cũng nói là tánh vô tánh chân thật ư?”

Giải thích: “Giáo rõ ràng chỉ nói rằng “không có tất cả” mà không phân biệt. Nếu lấy ý dưới của giáo, thì làm rõ chung lý của tánh vô tánh, cho nên, kinh Thâm Mật v.v... đã chỉ rõ mật ý kia, chính là làm sáng tỏ ba vô tánh.”

Luận sư Bị nói: “Ý giáo của Bát-nhã chỉ nói rõ Biến kế không có tướng. Làm sao biết được? Vì như luận trên nói: “Tất cả các pháp đều không có tự tánh, không có sinh, không có diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn v.v.... Mật ý nói tướng giáo không có tự tánh, nên biết rằng, chỉ nêu rõ tánh vô tánh của tướng.”

Trong kinh này trở xuống, là giải thích riêng có bốn hạng người; Luận sư Cảnh nói: “Hai người trước không mê; người thứ nhất cho rằng, các hữu tình đã gieo trồng gốc lành phẩm thượng, nghe pháp như thế, hiểu rõ như thật, cho đến hiện Đăng Chánh giác”. Người thứ hai nói: “Các hữu tình đã gieo trồng gốc lành phẩm thượng, cho đến chưa thể chứa nhóm tư lương của phẩm thượng, tánh họ chân thật ngay thẳng. Dù không có sức tư duy lựa chọn, mà không an trụ trong kiến thủ của mình, cho đến chỉ là trí sáng suốt xem xét rõ ràng về sở tri”. Ta đâu thể hiểu, tư khinh mà trụ.

Người thứ ba cho rằng: “Các hữu tình, cho đến “chưa có thể chứa nhóm tư lương của phẩm thượng, chẳng phải tánh chân chất ngay thẳng. Dù có sức hay tư duy lựa chọn phước lập mà trụ trong kiến thủ, nhưng nếu người đó nghe pháp như thế xong, đối với ngôn thuyết mật ý rất sâu kín của ta. Dù sinh tín giải, thuận theo lời nói chấp mắc, nghĩa là tất cả pháp quyết định, không có tánh, bất sinh, không diệt. Do đây mà đạt được không có kiến, không có tướng, kiến, bác bỏ tất cả tướng là vô tướng, bác bỏ biến kế sở chấp Y tha, thật tướng của Viên thành, dựa vào tánh đó để lập ra Biến kế sở chấp.

Đã bác bỏ không có hai tánh, nên cũng bác bỏ không có Biến kế sở chấp. Ở đây như người học của Tam luận chấp mắc về không kiến, gọi là “ác thủ không”. Dù đối với ngã, pháp, khởi lên tướng pháp, nhưng vẫn tin giáo pháp vô tánh. Mà chẳng phải trong phi nghĩa, khởi lên tướng nghĩa, nghĩa là đều dứt trừ hai tánh còn lại là bất “không” của Biến kế sở chấp, nhưng trong nghĩa bất không của hai tánh còn lại,

khởi lên tưởng không. Cho đến dù đối với giáo, vì sinh niềm tin, nên phước đức tăng trưởng. Nhưng đối với phi nghĩa, vì khởi chấp mắc, nên lùi mất trí tuệ.

Kế là, nói người kia có hai đệ tử:

1. Người thứ nhất kia đồng với kiến chấp của thầy.

2. Đệ tử thứ hai, vượt hơn kiến chấp của thầy. Đối với giáo pháp kia, cũng bác bỏ không tin, cho là nghe pháp đều không có tự tánh, không có sinh diệt v.v..., bèn sinh sợ hãi, nói là chẳng phải lời Phật nói, mà là ma nói! Hiểu như thế rồi, họ chê bai, mắng nhiếc v.v... sách vở của các dòng họ.

Người thứ tư cho rằng: “Nếu các chúng sinh chưa gieo trồng gốc lành, cho đến tánh chẳng phải chân chất, ngay thẳng, trụ trong kiến thủ của mình, thì người ấy khi nghe pháp này bất sinh tin hiểu, nghĩ là phi pháp, nghĩ là phi nghĩa, thậm chí còn bác bỏ cho là giả dối.”

Luận sư Bị nói: “1. Nói về người tin và hiểu; 2. Nói về người có tin mà không hiểu; 3. Nói về người có sức tư duy lựa chọn; 4/ Nói về người tà chấp. Có chỗ giải thích: 1/ nói về người bốn thiện căn, 2/ Nói về người có bốn mươi tam, 3/ nói về người bác không. 4. Nói về kẻ chê bai, bác bỏ. Hai người sau này đều là Thập tín trở xuống. Luận sư Cảnh nói: “Trong đây có sáu hạng người căn tánh:

1. Người có năm lợi, ba tuệ, mau chóng chứng rốt ráo, sinh tịnh tín.

2. Người có bốn lợi, thiếu tuệ, tánh người ấy chân chất, ngay thẳng, không an kiến.

3. Người có bốn lợi, thiếu tuệ, tánh chẳng phải chân chất, ngay thẳng, an kiến.

4. Từ người khác nghe pháp, đắc pháp, mất nghĩa kiến đồng, lùi mất gốc lành.

5. Người nghe pháp từ người khác, không theo kiến của người kia, tức là sinh sợ hãi, chê bai.

6. Người không có lợi, thiếu tuệ, trôi lăn sinh tử, khởi che bai.

Dù nghe giải thích này, nhưng nay lại theo giải thích của Luận sư Cảnh.

Dưới đây, là kết như văn, trùng tụng. Nghĩa trước có năm bài tụng. Luận sư Cảnh nói: “Bài tụng đầu, tụng lại lần “lại nữa” đầu:

“Các pháp vô tánh

Bất sinh diệt thấy.”

Bài tụng thứ hai, tụng lần “lại nữa”, thứ ba: nghĩa là thứ hai lập

nhân duyên vô tánh. Thứ ba là quán cơ, nói ba vô tánh.

Thứ năm, đối với Mật giáo của Phật, có mê, có ngộ.

Dưới đây có ba bài tụng, tụng mật thuyết thứ tư kia về Nhất thừa. Người có trí nào nói không mật ý? Nghĩa là người của bốn trí đều tin Đức Phật nói các pháp không có sinh diệt v.v... đồng là mật ý kia. Dù nói các pháp vô tánh, nhưng ý nói các pháp Biến kế sở chấp không nói y tha, viên thành vô tánh, cảnh giới vô lậu, trong đó, giải thoát bình đẳng không có khác nhau, nghĩa là lý vô tướng, hoặc chẳng phải phàm phu có thể hiểu rõ, gọi là khó tư duy cõi vô lậu.

Bậc thánh ba thừa đồng tỏ ngộ lý này, nên nói rằng, trong đó giải thoát đồng đẳng không khác nhau.

Tất cả nghĩa thành, lìa hoặc khổ, nghĩa là do chứng Viên thành thật, nên gọi là “tất cả nghĩa thành”. Dứt trừ y tha kia, gọi là lìa hoặc khổ.

Hai thứ thuyết khác Thường, Lạc, nghĩa là Viên thành này tức là thể Niết-bàn của hai thứ Hữu dư, Vô dư. Do lìa hoặc nên là thường, do lìa khổ nên vui, hai tên gọi thường lạc, gọi là hai thuyết khác.

Nay, giải thích: “Tụng đầu, là tụng đoạn thứ nhất. Kế là có câu tụng đoạn thứ hai. Kế là có hai câu tụng đoạn thứ ba. Kế là, có hai câu tụng rưỡi đoạn thứ tư. Sau, có hai câu tụng đoạn thứ năm.

Trên đây, là hỏi đáp để nói về nghĩa ba vô tánh xong. Dưới đây là thứ hai, nhận hiểu, khen ngợi: Trước Bồ-tát nhận hiểu, sau, đức Như lai khen ngợi.

Phần trước, trước khen ngợi Đức Thế tôn, sau đó là nhận hiểu. Trong nhận hiểu, trước là pháp thuyết, sau là dụ so sánh. Trong pháp Bồ-tát chỉ nhận hiểu về nghĩa ba vô tánh mà Đức Thế tôn đã nói, trong đó, trải qua pháp, nói, giải thích. trước hết là nêu sắc uẩn, giải thích ba vô tánh. So sánh bốn uẩn và các pháp khác. Kế là, là nêu ba vô tánh của khổ đế, so với ba đế còn lại, cho đến trong tám chánh đạo. Sau y cứ vào chánh định thứ tám, để nói, giải thích ba thứ vô tánh.

Trong dụ so sánh có bốn:

1/ Nêu thuốc Tỳ-thấp-phược. Tất cả thuốc tán thuốc tiên, trong phương đều là chỗ thích ứng, yên ổn. Thuốc này bình yên, ổn thỏa, điều hòa các thuốc, tất cả thuốc hoàn tán đều xếp vào một vị.

Như thế, Đức Thế tôn v.v... cho đến “đều là chỗ thích ứng, yên ổn, nghĩa là ở trước đức Thế tôn vì Bồ-tát mới học Đại thừa, nói chung các pháp đều không có tự tánh, chưa nói về Y tha, viên thành là có, gọi là không liễu nghĩa. Nay, nhận hiểu rằng, chỉ Biến kế sở chấp là “không”,

hai tánh còn lại là “có”, là chân liễu nghĩa. Dem đạo lý “có” “không” liễu nghĩa này để giải thích về kinh không liễu nghĩa của thuyết ở trước, thì biết Đức Phật nói nghĩa không có tự tánh, tức không phải tất cả các pháp đều “không”, nên nói “Khắp đối với tất cả kinh không liễu nghĩa, đều là chỗ thích ứng, yên ổn.

Tỳ-thấp-phước: ở đây vì không có từ ngữ nào tương đương với danh từ này, nên vẫn giữ nguyên tiếng Phạm. Lại, giải thích: “Tiếng Phạm tỳ-thấp-phước, đời Đường dịch là có công năng.

2/ Nêu thí dụ sách. Như khi muốn vẽ, trước phải dùng đất nhuyễn rải khắp các màu sắc. Do đất nhuyễn này lại có thể phát rõ tướng mạo, sự nghiệp của sách, màu cho rõ ràng, dùng ngôn giáo liễu nghĩa của lý “không” bất “không” trong các pháp, nhằm làm rõ kinh không liễu nghĩa, nói là đối với các pháp đều không có tánh, nghĩa là chỉ y cứ ở Biến kế sở chấp.

3/ Nêu Dụ bơ chín, rất dễ hiểu.

4/ Thí dụ hư không. nghĩa là nói đủ nghĩa “không” bất “không” của ba tánh, kèm theo “hữu”, nói “không”, gọi là liễu nghĩa.

Khắp với tất cả kinh bất liễu nghĩa chỉ nói về không xứ, phân biệt, giải thích, không che lấp tất cả tác nghiệp của Trung đạo, như hư không đầy khắp tất cả sắc xứ, không chướng ngại tất cả nghiệp riêng đã tạo nên: dưới đây, là Đức Phật khen ngợi, thứ ba, trong phần nói về giáo, công đức trì kinh hơn kém, trước quyết định giáo thể hơn, kém của ba thời. Sau nói phước lợi trì kinh.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Một thuở nọ, tại chỗ đọa của vị tiên Bà-la-ni-tư, xưa gọi là trú xứ của người tiên là “phi”. Vì xưa, nhà vua thường dẫn các thể nữ dạo chơi ở vườn thượng uyển. Bấy giờ có năm trăm vị tiên trong hư không sắp đi qua, vừa nhìn thấy các thể nữ liền rơi xuống, nên gọi là xứ đọa của các vị tiên.

Vì hướng đến Nhị thừa, nên nói riêng Bốn đế, an lập Đế “có”, là các giáo tranh nhau giữ lấy xứ an lập. Đây chính là ẩn mật vì nói hai tánh y tha, Viên thành là có. Vì e rằng sẽ thêm chấp “không”, nên chẳng nói tánh “không” của Biến kế sở chấp, gọi là bất liễu nghĩa.

Trong thời thứ hai, Đức Phật đã vì các chúng Bồ-tát phát tâm hướng về Đại thừa, nên đã phá chấp “có” kia, nói các pháp không có đại Bát-nhã, tức là ẩn mật vì nói tự tánh của Biến kế sở chấp vốn không. Vì e rằng sẽ thêm chấp có, nên chưa cho nghe nói hai tánh Y tha, Viên thành là “có”, nên gọi là chưa liễu nghĩa.

Đến nay trong thời thứ ba, vì Bồ-tát học sâu, nói kinh Giải Thâm

Mật, nói đã Biến kế sở chấp là “không”, hai tánh còn lại là “có”. Về nghĩa “có”, “không” là nói hai tánh “có”, tức là nghĩa sẽ vì người phát thú Nhị thừa mà nói, nói Biến kế sở chấp là không, chính là nghĩa sẽ vì người phát thú Đại thừa mà nói, nói đủ nghĩa “không” “hữu” của ba tánh, tức là sẽ vì Bồ-tát học lâu mà xoay bánh xe chánh pháp, là nói liễu nghĩa, nên nói khắp vì người phát tâm hướng về tất cả thừa, nghĩa là nói chân liễu nghĩa.

Pháp sư Thái nói: “Đầu tiên là xoay bánh xe pháp Bốn đế của Thanh Văn. Thời thứ hai, vì người phát thú hướng một tánh “không” Đại thừa, mà nói các pháp không có tánh của tự tánh. Nhưng không y cứ vào ba tánh, ba vô tanh để phân biệt, nên gọi là tướng ẩn mật chuyển, chỉ nói tất cả đều “không” chẳng nói y tha, viên thành là “hữu”. Như phẩm Đại v.v... là giáo kia.

Đến nay thời thứ ba, vì phát thú hướng về tất cả Đại thừa. Vì rõ khắp, nói ba tánh, ba vô tánh, xoay bánh xe chánh pháp, lại không có trên. Như Hoa Nghiêm v.v... là giáo kia. Do nói là pháp chấp ngang trái không có nhân duyên và pháp Viên thành là “có”.

Trong giáo thứ hai, không nói ba thừa thành Phật, nên chỉ nói Đại thừa.

Trong giáo thứ ba, nói về ba thừa tánh bất định thành Phật, nên gọi là tất cả Đại thừa. Dưới là nói phước lợi trì kinh.

Ổ-Ba-Ni-Sát-Đàm phần là chỗ cùng cực (vô cực) của số.

Thứ tư, thỉnh đặt tên kinh. Trong thời gian chúng được lợi ích, trước thỉnh đặt tên, sau nói về thời gian được lợi ích.

Tam Tạng Pháp sư nói “Nói về được lợi có lợi của Ba thừa, tức là dẫn hai nhà của Thích Luận để giải thích.

1. Giải thích: “Giảng nói bằng một âm thanh, tùy theo từng loại đều được hiểu, như kinh Duy-ma nói.

2. Giải thích: Cái thấy dù khác, nhưng về nghĩa đã nghe thì đồng. Đây là nói đồng nghe một giáo, người nói thì khác, nên đại, Tiểu, ba thừa đều chứng được quả của mình. Như Phật Địa Trì chép “Cái thấy dù khác mà nghĩa nghe thì đồng. Việc này cũng như thế, dù nghe một giáo, mà Thanh văn thì hiểu về lý Nhân không. Bồ-tát hiểu “hai không”, cho nên kinh nói: “Ba trăm ngàn Thanh văn, Xa trần, lìa cấu v.v..., là lý ở đây. Việc xa trần v.v..., như luận sẽ nói.
